

RỦI RO PHÁP LÝ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG QUA THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TÒA ÁN

NGUYỄN CHÍ TRUNG

LÊ THUẦN ĐỨC

Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

NGUYỄN THẾ CƯƠNG

Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn MTV Đức Chính,
Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 08/4/2026. Sửa chữa xong 28/5/2026. Duyệt đăng 12/6/2026.

Abstract

In the context of increasingly diverse and complex credit activities, disputes arising from credit contracts brought before the Courts have shown a growing trend in both quantity and legal complexity. Judicial practice indicates that many legal risks stem from the process of entering into, performing, and handling credit contracts, such as violations of conditions for the validity of transactions; risks related to secured assets; disputes over interest rates and repayment obligations; violations concerning representation and signing authority; as well as shortcomings in bad debt settlement activities. This article analyzes common legal risks in credit contracts through court trial practice, while also proposing several recommendations aimed at improving the legal framework and enhancing the effectiveness of law enforcement in the banking and credit sector.

Keywords: Court adjudication, credit contract, credit disputes, legal risks, security agreement.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hoạt động tài chính - ngân hàng ngày càng phát triển mạnh mẽ, hợp đồng tín dụng (HĐTD) đã trở thành công cụ pháp lý quan trọng điều chỉnh quan hệ vay vốn giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Hoạt động cấp tín dụng không chỉ góp phần thúc đẩy lưu thông dòng vốn, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và tiêu dùng xã hội mà còn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm ổn định hệ thống tài chính quốc gia (Lê Thị Thu Thủy, 2019). Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng về quy mô và tính đa dạng của các sản phẩm tín dụng, các tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại Tòa án cũng ngày càng phổ biến và phức tạp. Thực tiễn xét xử cho thấy nhiều rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình giao kết, thực hiện và xử lý HĐTD như tranh chấp về chủ thể ký kết, hiệu lực hợp đồng bảo đảm, lãi suất, nghĩa vụ thanh toán, xử lý tài sản bảo đảm hay chứng cứ điện tử trong hoạt động cho vay trực tuyến (Đỗ Văn Đại, 2023). Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch mà còn tác động đến hiệu quả xử lý nợ xấu và sự an toàn của hệ thống tín dụng ngân hàng (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2022). Các nghiên cứu trước đây về HĐTD và tranh chấp tín dụng ngân hàng có thể được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau. Một số nghiên cứu tập trung phân tích bản chất pháp lý của HĐTD, điều kiện có hiệu lực của giao dịch và cơ chế bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hoạt động ngân hàng (Lê Thị Thu Thủy, 2019; Đỗ Văn Đại, 2023). Hướng nghiên cứu khác chú trọng đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án, đặc biệt đối với các tranh chấp liên quan đến lãi suất, hợp đồng thế chấp và xử lý tài sản bảo đảm (Phạm Hoàng Dũng, 2022; Nguyễn Văn Đông, 2023). Gần đây, trước xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, nhiều nghiên cứu đã bắt đầu quan tâm đến HĐTD điện tử, giao dịch trực tuyến và giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử trong hoạt động xét xử (Trần Anh Tuấn,

Email: nguyenchitruong111001@gmail.com

2020). Tuy nhiên, nhìn chung các công trình hiện nay chủ yếu nghiên cứu riêng lẻ từng vấn đề pháp lý cụ thể hoặc tiếp cận dưới góc độ lý luận chung, trong khi chưa có nhiều nghiên cứu phân tích toàn diện các dạng rủi ro pháp lý trong HĐTD gắn với thực tiễn xét xử tại Tòa án trong bối cảnh pháp luật ngân hàng và pháp luật dân sự có nhiều thay đổi, đặc biệt sau khi Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2025 được ban hành. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung nghiên cứu một số rủi ro pháp lý phổ biến trong HĐTD thông qua thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Nghiên cứu hướng đến việc làm rõ các dạng rủi ro thường phát sinh trong quá trình giao kết và thực hiện HĐTD như rủi ro về chủ thể, tài sản bảo đảm, lãi suất, điều khoản hợp đồng và chứng cứ điện tử; đồng thời phân tích những khó khăn, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật của Tòa án hiện nay. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD trong điều kiện phát triển của hoạt động ngân hàng hiện đại và chuyển đổi số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm rủi ro pháp lý trong hợp đồng tín dụng

Rủi ro pháp lý trong HĐTD được hiểu là khả năng phát sinh thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hành vi vi phạm pháp luật, áp dụng pháp luật không thống nhất hoặc do những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật trong quá trình giao kết, thực hiện và giải quyết tranh chấp HĐTD.

Rủi ro pháp lý trong lĩnh vực tín dụng thường có phạm vi ảnh hưởng rộng, không chỉ tác động đến quyền lợi của tổ chức tín dụng và khách hàng vay mà còn ảnh hưởng đến sự ổn định của hoạt động ngân hàng, an toàn tín dụng và môi trường kinh doanh.

2.2. Một số rủi ro pháp lý phổ biến trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn xét xử tại Tòa án

2.2.1. Rủi ro pháp lý về chủ thể ký kết hợp đồng tín dụng

Một trong những rủi ro phổ biến trong thực tiễn xét xử là việc xác định chủ thể có đủ điều kiện giao kết HĐTD hay không. Nhiều trường hợp người ký hợp đồng không có thẩm quyền đại diện hoặc vượt quá phạm vi ủy quyền dẫn đến tranh chấp về hiệu lực hợp đồng (Phạm Hoàng Dũng, 2022). Đối với khách hàng doanh nghiệp, thực tiễn ghi nhận nhiều trường hợp người ký hợp đồng không phải đại diện theo pháp luật hoặc giấy ủy quyền đã hết hiệu lực. Đối với cá nhân, tranh chấp thường phát sinh liên quan đến tài sản chung vợ chồng hoặc tài sản chung hộ gia đình khi một bên tự ý thế chấp mà không có sự đồng ý của đồng sở hữu (Nguyễn Văn Đông, 2023).

2.2.2. Rủi ro pháp lý liên quan đến tài sản bảo đảm

Tranh chấp về tài sản bảo đảm chiếm tỷ lệ lớn trong các vụ án tín dụng ngân hàng. Các rủi ro phổ biến gồm: tài sản đang tranh chấp, bị kê biên, giấy chứng nhận giả mạo hoặc tài sản thuộc diện hạn chế chuyển nhượng (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2022). Ngoài ra, nhiều hợp đồng thế chấp bị tuyên vô hiệu do vi phạm quy định về công chứng, chứng thực hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm. Khi hợp đồng bảo đảm vô hiệu, tổ chức tín dụng mất quyền ưu tiên thanh toán đối với tài sản bảo đảm. Thực tiễn xét xử cũng ghi nhận nhiều khó khăn trong quá trình xử lý tài sản như bên vay không hợp tác bàn giao tài sản, phát sinh tranh chấp quyền sở hữu hoặc mâu thuẫn về giá trị tài sản đấu giá (Trần Anh Tuấn, 2020).

2.2.3. Rủi ro pháp lý về lãi suất và nghĩa vụ thanh toán

Lãi suất là nội dung thường xuyên phát sinh tranh chấp trong HĐTD. Nhiều vụ án xuất hiện tranh cãi liên quan đến lãi quá hạn, lãi chậm trả hoặc việc điều chỉnh lãi suất mà khách hàng không được thông báo đầy đủ (Lê Thị Thu Thủy, 2019).

Theo thực tiễn xét xử, nếu điều khoản lãi suất không rõ ràng hoặc vi phạm điều cấm của pháp luật thì Tòa án có thể tuyên vô hiệu phần thỏa thuận về lãi. Ngoài ra, việc xác định nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp khách hàng mất khả năng trả nợ hoặc doanh nghiệp phá sản cũng gây nhiều khó khăn trong áp dụng pháp luật (Đỗ Văn Đại, 2023).

2.2.4. *Rủi ro pháp lý trong hoạt động thu hồi nợ và xử lý nợ xấu*

Hoạt động thu hồi nợ và xử lý nợ xấu là giai đoạn dễ phát sinh tranh chấp giữa tổ chức tín dụng và khách hàng vay. Một số trường hợp áp dụng biện pháp thu hồi nợ không phù hợp làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của khách hàng (Trần Anh Tuấn, 2020). Bên cạnh đó, việc thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn do thiếu sự phối hợp giữa cơ quan thi hành án, chính quyền địa phương và tổ chức tín dụng.

2.2.5. *Rủi ro pháp lý liên quan đến chứng cứ điện tử trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều giao dịch tín dụng được thực hiện thông qua hợp đồng điện tử, mã OTP, chữ ký số, email hoặc ứng dụng ngân hàng số. Điều này làm phát sinh rủi ro liên quan đến giá trị pháp lý và khả năng chứng minh của chứng cứ điện tử (Phạm Hoàng Dũng, 2022). Mặc dù Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã thừa nhận giá trị của chứng cứ điện tử, nhưng thực tiễn xét xử vẫn gặp khó khăn trong việc xác định tính xác thực của dữ liệu điện tử. Nhiều khách hàng phủ nhận việc xác lập giao dịch trực tuyến hoặc cho rằng tài khoản bị sử dụng trái phép (Nguyễn Văn Đông, 2023). Ngoài ra, việc thu thập và giao nộp chứng cứ điện tử hiện chưa có hướng dẫn thống nhất. Một số Tòa án yêu cầu xuất trình dữ liệu gốc từ hệ thống lưu trữ, trong khi tổ chức tín dụng chỉ cung cấp bản in sao kê hoặc ảnh chụp màn hình giao dịch, dẫn đến cách đánh giá chứng cứ chưa đồng nhất trong thực tiễn xét xử (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2022).

2.3. *Thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án*

Theo báo cáo công tác năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án đã thụ lý 498.632 vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động; đã giải quyết, xét xử được 436.372 vụ việc, đạt tỷ lệ 87,51%. Riêng đối với các vụ án kinh doanh thương mại, tỷ lệ giải quyết đạt 76,44%. Trong nhóm tranh chấp kinh doanh thương mại, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tiếp tục là một trong những loại tranh chấp phổ biến, đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh – địa bàn tập trung nhiều tổ chức tín dụng và hoạt động cấp tín dụng lớn nhất cả nước (Tòa án nhân dân tối cao, 2024).

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động tín dụng ngân hàng và sự mở rộng quy mô cung ứng vốn cho nền kinh tế, số lượng tranh chấp phát sinh từ HĐTD được giải quyết tại Tòa án có xu hướng gia tăng đáng kể cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp (Nguyễn Văn Đông, 2023). Sự gia tăng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như biến động của nền kinh tế, khả năng tài chính của khách hàng suy giảm, tình trạng nợ xấu gia tăng sau các giai đoạn khó khăn của thị trường bất động sản và sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển nhanh chóng của các sản phẩm tín dụng mới. Thực tiễn xét xử cho thấy tranh chấp HĐTD hiện không còn chỉ tập trung ở các khoản vay doanh nghiệp có giá trị lớn mà đã mở rộng sang các khoản vay tiêu dùng, vay phục vụ đời sống, vay hộ kinh doanh cá thể và các giao dịch tín dụng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc tài sản hình thành trong tương lai. Điều này phản ánh phạm vi tác động ngày càng rộng của hoạt động tín dụng đối với đời sống kinh tế - xã hội cũng như sự đa dạng trong các dạng tranh chấp phát sinh.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp HĐTD có thể được xác định là tranh chấp dân sự hoặc tranh chấp kinh doanh, thương mại tùy thuộc vào tư cách pháp lý của các bên và mục đích sử dụng khoản vay. Trong thực tiễn, phần lớn các vụ án được thụ lý và giải quyết tại Tòa án nơi bị đơn cư trú hoặc nơi có tài sản bảo đảm (Trần Anh Tuấn, 2020). Tuy nhiên, việc xác định đúng thẩm quyền giải quyết không phải lúc nào cũng đơn giản, đặc biệt trong những trường hợp có nhiều bị đơn, nhiều tài sản bảo đảm ở các địa phương khác nhau hoặc phát sinh tranh chấp liên quan đến người thứ ba. Một số vụ án phải trải qua quá trình chuyển hồ sơ giữa các Tòa án hoặc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, dẫn đến kéo dài thời gian tố tụng và làm gia tăng chi phí cho các bên. Một trong những dạng tranh chấp phổ biến nhất hiện nay là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. Khi khách hàng mất khả năng thanh toán hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, tổ chức tín dụng thường khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ

và cho phép xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản vay. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy nhiều vụ án phát sinh tranh luận về cách xác định số tiền phải thanh toán, đặc biệt là việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các khoản phí phát sinh theo hợp đồng. Mặc dù pháp luật đã có những quy định tương đối cụ thể nhưng trên thực tế vẫn tồn tại những cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn đến tình trạng cùng một loại tranh chấp nhưng kết quả giải quyết có thể không hoàn toàn thống nhất (Lê Thị Thu Thủy, 2019). Bên cạnh đó, một số khách hàng khi tham gia tố tụng thường cho rằng tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất không phù hợp hoặc đơn phương thay đổi điều kiện tín dụng mà không thông báo đầy đủ. Trong khi đó, các tổ chức tín dụng lại viện dẫn nguyên tắc tự do thỏa thuận và các điều khoản đã được các bên xác lập trong hợp đồng. Sự khác biệt trong cách tiếp cận này khiến nhiều vụ án phải tiến hành đối chiếu chi tiết từng điều khoản hợp đồng, phụ lục hợp đồng và lịch sử giao dịch giữa các bên trước khi Tòa án có thể đưa ra phán quyết cuối cùng. Thực tế cho thấy đây là nhóm tranh chấp chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ án tín dụng được xét xử hàng năm và cũng là nguyên nhân quan trọng làm gia tăng số lượng án kinh doanh thương mại tại các Tòa án địa phương. Bên cạnh tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán, tranh chấp liên quan đến hợp đồng bảo đảm tiền vay cũng chiếm tỷ lệ đáng kể trong thực tiễn xét xử. Đối với các khoản tín dụng có tài sản bảo đảm, việc xử lý tài sản thường là biện pháp quan trọng giúp tổ chức tín dụng thu hồi nợ khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, nhiều trường hợp hợp đồng thế chấp bị tuyên vô hiệu do vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch hoặc vi phạm các quy định về công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Không ít vụ án phát sinh do tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng hoặc tài sản thuộc sở hữu chung của nhiều người nhưng khi xác lập giao dịch lại thiếu sự đồng ý của tất cả đồng sở hữu, dẫn đến tranh chấp kéo dài và ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thu hồi nợ của tổ chức tín dụng (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2022). Thực tiễn xét xử cũng cho thấy nhiều khó khăn trong quá trình xác minh tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. Một số tài sản đã được chuyển nhượng, tặng cho hoặc phát sinh tranh chấp trước thời điểm xử lý; một số trường hợp quyền sử dụng đất chưa hoàn tất thủ tục đăng ký hoặc thông tin về hiện trạng tài sản không còn phù hợp với hồ sơ pháp lý ban đầu. Ngoài ra, việc phối hợp giữa Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan đăng ký đất đai và chính quyền địa phương trong quá trình kê biên, định giá và xử lý tài sản bảo đảm vẫn còn những hạn chế nhất định, làm kéo dài quá trình giải quyết vụ án và giảm hiệu quả thu hồi nợ của các tổ chức tín dụng (Phạm Hoàng Dũng, 2022). Trong nhiều trường hợp, mặc dù bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng việc xử lý tài sản vẫn gặp trở ngại do đương sự không hợp tác hoặc tài sản đã bị thay đổi hiện trạng, dẫn đến việc thi hành án kéo dài nhiều năm. Một vấn đề nổi bật khác trong thực tiễn hiện nay là sự gia tăng các tranh chấp liên quan đến chứng cứ điện tử trong hoạt động tín dụng ngân hàng. Cùng với quá trình chuyển đổi số, các tổ chức tín dụng ngày càng sử dụng hợp đồng điện tử, chữ ký điện tử, mã OTP, dữ liệu giao dịch trực tuyến, email và các ứng dụng ngân hàng số để thực hiện hoạt động cho vay và quản lý khoản vay. Việc số hóa quy trình tín dụng giúp giảm chi phí giao dịch, tăng khả năng tiếp cận vốn của khách hàng và nâng cao hiệu quả quản trị của tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng làm xuất hiện nhiều tranh chấp mới liên quan đến tính xác thực và giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử.

Trên thực tế, nhiều khách hàng phủ nhận việc trực tiếp xác lập giao dịch hoặc cho rằng tài khoản của mình bị người khác sử dụng trái phép để thực hiện các giao dịch vay vốn. Trong những trường hợp này, Tòa án phải xem xét hàng loạt dữ liệu kỹ thuật như lịch sử đăng nhập, địa chỉ IP, nhật ký hệ thống, dữ liệu xác thực OTP và các thông tin điện tử khác để đánh giá tính xác thực của giao dịch. Mặc dù Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã thừa nhận giá trị của chứng cứ điện tử nhưng việc thu thập, đánh giá và sử dụng loại chứng cứ này trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn do yêu cầu chuyên môn kỹ thuật cao cũng như sự thiếu thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (Nguyễn Văn Đông, 2023). Điều này cho thấy pháp luật tố tụng và pháp luật về giao dịch điện tử cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình số hóa hoạt động ngân hàng. Ngoài những dạng tranh chấp nêu trên, thực tiễn xét xử còn ghi nhận sự gia tăng

các vụ án liên quan đến mua bán nợ, chuyển giao quyền yêu cầu, xử lý nợ xấu và các giao dịch tín dụng có sự tham gia của nhiều chủ thể. Sau khi các tổ chức tín dụng thực hiện bán nợ cho các tổ chức mua bán nợ hoặc các công ty quản lý tài sản, nhiều tranh chấp mới phát sinh liên quan đến quyền khởi kiện, quyền xử lý tài sản bảo đảm và nghĩa vụ thông báo cho bên vay. Những tranh chấp này đòi hỏi Tòa án không chỉ áp dụng các quy định về HĐTD mà còn phải xem xét đồng thời các quy định về chuyển giao quyền yêu cầu, giao dịch bảo đảm và thi hành án dân sự. Từ những phân tích trên có thể thấy thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề pháp lý phức tạp, phản ánh sự phát triển nhanh chóng của thị trường tín dụng và những hạn chế nhất định của hệ thống pháp luật hiện hành. Các tranh chấp không chỉ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn mở rộng sang các vấn đề về giao dịch bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm, chứng cứ điện tử và thi hành án. Điều này cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh hoạt động tín dụng ngân hàng, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp của Tòa án nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ tín dụng, đồng thời góp phần bảo đảm an toàn cho hệ thống tài chính - ngân hàng (Đỗ Văn Đại, 2023).

2.4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Từ thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành tuy đã từng bước được hoàn thiện nhưng vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống và sự thiếu thống nhất trong áp dụng pháp luật. Do đó, cần có những giải pháp đồng bộ nhằm hạn chế rủi ro pháp lý và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng.

2.4.1. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng và giao dịch bảo đảm

Hiện nay, quan hệ HĐTD chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2025. Tuy nhiên, giữa các quy định vẫn còn tồn tại sự chồng chéo hoặc chưa thống nhất, đặc biệt liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm, lãi suất, quyền thu giữ tài sản và hiệu lực của hợp đồng bảo đảm. Do đó, cần rà soát và thống nhất các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng ngân hàng theo hướng đồng bộ, minh bạch và dễ áp dụng. Đồng thời, cần có hướng dẫn cụ thể về việc xác định hiệu lực của HĐTD trong trường hợp vi phạm điều kiện về chủ thể, đại diện ký kết hoặc hình thức giao dịch nhằm hạn chế tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các Tòa án.

2.4.2. Hoàn thiện cơ chế pháp lý về xử lý tài sản bảo đảm

Trên thực tế, phần lớn tranh chấp HĐTD phát sinh từ việc xử lý tài sản bảo đảm, nhất là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Quá trình kê biên, phát mại hoặc thu giữ tài sản thường kéo dài do có sự chống đối của bên bảo đảm hoặc phát sinh tranh chấp với người thứ ba. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế xử lý tài sản bảo đảm theo hướng tăng cường tính chủ động cho tổ chức tín dụng nhưng vẫn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên vay. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành quy trình phối hợp thống nhất giữa Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan đăng ký đất đai và chính quyền địa phương trong hoạt động xử lý tài sản bảo đảm nhằm rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ.

2.4.3. Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử

Một trong những nguyên nhân dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp tín dụng là việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất giữa các cấp xét xử, đặc biệt đối với các vấn đề như xác định lãi suất, lãi chậm trả, thời hiệu khởi kiện hay xử lý hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần tăng cường ban hành án lệ, nghị quyết hướng dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp HĐTD để bảo đảm sự thống nhất trong xét xử. Đồng thời, cần thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân về kỹ năng giải quyết tranh chấp tín dụng và nghiệp vụ xử lý giao dịch bảo đảm.

2.4.4. Tăng cường trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng

Nhiều rủi ro pháp lý phát sinh do tổ chức tín dụng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thẩm định khách hàng, kiểm tra tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm hoặc chưa minh bạch thông tin về lãi suất, phí phạt và nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, các tổ chức tín dụng cần nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ pháp lý và tuân thủ đầy đủ quy trình cấp tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2025. Bên cạnh đó, cần tăng cường công khai, minh bạch các điều khoản hợp đồng nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của khách hàng vay, hạn chế tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2.4.5. Đẩy mạnh cơ chế hòa giải và giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án

Thực tiễn cho thấy nhiều tranh chấp tín dụng có thể được giải quyết hiệu quả thông qua thương lượng hoặc hòa giải nếu các bên thiện chí hợp tác. Tuy nhiên, hiện nay các bên thường lựa chọn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án dẫn đến quá tải cho hệ thống tư pháp. Do đó, cần khuyến khích áp dụng cơ chế hòa giải thương mại và đối thoại tại Tòa án đối với tranh chấp HĐTD. Đồng thời, cần hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động hòa giải thương mại trong lĩnh vực ngân hàng nhằm giảm áp lực cho cơ quan xét xử và tiết kiệm thời gian, chi phí cho các bên tranh chấp.

2.4.6. Nâng cao ý thức pháp lý của khách hàng vay vốn

Bên cạnh trách nhiệm của tổ chức tín dụng, khách hàng vay cũng cần nâng cao nhận thức pháp luật khi tham gia giao kết HĐTD. Nhiều trường hợp tranh chấp phát sinh do người vay không đọc kỹ nội dung hợp đồng, không hiểu rõ nghĩa vụ trả nợ hoặc sử dụng vốn sai mục đích. Do đó, cần tăng cường công tác phổ biến pháp luật về tín dụng ngân hàng, giao dịch bảo đảm và quyền, nghĩa vụ của bên vay thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động tư vấn pháp lý hoặc hỗ trợ pháp luật cộng đồng. Đây là giải pháp quan trọng nhằm hạn chế rủi ro pháp lý và xây dựng môi trường tín dụng an toàn, ổn định.

2.4.7. Hoàn thiện cơ chế pháp lý về chứng cứ điện tử trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Trong bối cảnh hoạt động ngân hàng số phát triển mạnh mẽ, các giao dịch tín dụng điện tử ngày càng phổ biến thông qua ứng dụng ngân hàng, hợp đồng điện tử, xác thực OTP, chữ ký số và dữ liệu trực tuyến. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án cho thấy việc thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ điện tử vẫn còn nhiều vướng mắc do thiếu quy định hướng dẫn thống nhất. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về chứng cứ điện tử theo hướng cụ thể hóa quy trình thu thập, bảo quản, giao nộp và đánh giá dữ liệu điện tử trong tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất về giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử như: dữ liệu giao dịch ngân hàng, tin nhắn OTP, email, sao kê điện tử, ghi âm cuộc gọi và HĐTD điện tử nhằm bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động xét xử. Bên cạnh đó, cần yêu cầu các tổ chức tín dụng tăng cường hệ thống lưu trữ dữ liệu điện tử, bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất và xác thực thông tin giao dịch. Việc áp dụng công nghệ bảo mật, chữ ký số và xác thực đa lớp cần được thực hiện đồng bộ nhằm hạn chế rủi ro giả mạo hoặc phủ nhận giao dịch trong quá trình giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, cần nâng cao năng lực chuyên môn của Thẩm phán, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ điện tử, đồng thời tăng cường cơ chế phối hợp với cơ quan giám định công nghệ thông tin để hỗ trợ xác minh tính xác thực của dữ liệu điện tử khi phát sinh tranh chấp. Đây là giải pháp cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD trong điều kiện chuyển đổi số và phát triển ngân hàng điện tử hiện nay.

3. Kết luận

Giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án hiện nay giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm an toàn pháp lý cho hoạt động tín dụng ngân hàng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức tín dụng, khách hàng vay cũng như góp phần ổn định trật tự trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án không chỉ giải quyết các mâu thuẫn phát sinh từ quan hệ HĐTD

mà còn góp phần hoàn thiện cơ chế áp dụng pháp luật, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các chủ thể tham gia giao dịch tín dụng. Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy, số lượng tranh chấp HĐTD có xu hướng gia tăng cả về tính chất và mức độ phức tạp. Mặc dù hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này ngày càng được hoàn thiện, song trong thực tiễn xét xử vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập. Nhìn chung, việc nghiên cứu thực trạng giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Đây không chỉ là cơ sở để đánh giá hiệu quả của cơ chế bảo vệ quyền lợi các bên trong quan hệ tín dụng mà còn góp phần đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, bảo đảm an toàn pháp lý cho hoạt động tín dụng và sự phát triển ổn định của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Dương Bá Hải, Nguyễn Thị Minh Phương, Trần Quốc Khánh (2022). *Bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính tại Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị*. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM220015

Đỗ Văn Đại (2023). *Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án* (tập 2). NXB Hồng Đức.

Hoàng Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Vân (2020). Bảo vệ người tiêu dùng tài chính tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, (22), 18-24.

Nguyễn Ngọc Sơn (2009). Người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (1), 32-38.

Nguyễn Thanh Lý (2019). Bàn về khái niệm người tiêu dùng và cơ chế phát sinh quyền được bảo vệ của người tiêu dùng. *Tạp chí Nghề luật*, (4), 21-27.

Nguyễn Thị Thúy An (2023). Thực trạng giải quyết tranh chấp giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh với người tiêu dùng thông qua Tòa án. *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (18), 35-42.

Nguyễn Trọng Điệp (2015). Tổ tụng rút gọn trong giải quyết tranh chấp tiêu dùng. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, 31(2), 45-53.

Trần Anh Tuấn (2009). *Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*. NXB Công an nhân dân.